

NHU CẦU ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH HÀNH VI ĐẠO ĐỨC Ở TRẺ EM LỨA TUỔI MẦM NON

Ngô Công Hoàn

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

1. Nguồn gốc hành vi đạo đức

Giá trị đạo đức dù có nội dung như thế nào cũng được biểu hiện qua hành vi, hành vi là phương tiện biểu hiện bên ngoài của các giá trị đạo đức. Dù gọi theo cách nào thì hành vi đạo đức, về bản chất, đó là trật tự các thao tác, hệ thống các thao tác phù hợp với đối tượng, phương tiện và điều kiện hành vi, hành động hướng tới những yêu cầu và đòi hỏi của xã hội đương thời, phù hợp với quy luật tự nhiên, xã hội nơi hành vi diễn ra.

Bàn về nguồn gốc hành vi, theo J. Piaget, "con người bắt đầu cuộc sống với một loạt các phản xạ và thừa kế những cách tương tác với môi trường"⁽³⁾. Nguồn gốc hành vi bắt nguồn từ cơ chế sinh học cơ thể thích nghi với môi trường, hành vi được tạo thành từ các yếu tố: Thành thực cơ thể + Kinh nghiệm với môi trường vật lý + Kinh nghiệm xã hội + Cân bằng⁽⁴⁾.

Theo Freud thì nguồn gốc hành vi do chính những năng lượng sinh lý mà ông gọi là những "xung năng". Ban đầu, trẻ em hành động do các xung năng thúc đẩy nó hành động⁽⁵⁾.

Phát triển học thuyết của Freud, khi nghiên cứu "con người hành động chứ không chỉ là con người phản ánh thực tế"⁽⁶⁾, Erikson đã đưa thêm nội dung nền văn hóa vào quá trình kiến tạo hành vi của trẻ: "Mỗi nền văn hóa có phong cách riêng trong điều khiển và nâng cao hành vi của trẻ ở từng lứa tuổi"⁽⁷⁾.

Yếu tố văn hoá trong hành vi của trẻ, thực chất là tính xã hội của hành vi, bản chất xã hội của hành vi. Do vậy, có thể nói, hành vi của trẻ em, theo đúng nghĩa hành

vi đã mang tính chất xã hội. Bởi lẽ, sinh ra trẻ chỉ có vốn liếng phản xạ không điều kiện để thích nghi với môi trường thay đổi. Dưới tác động chăm sóc sức khoẻ ban đầu của mẹ, sự chăm sóc, giáo dục trẻ ở các lứa tuổi tiếp theo, khi tiếp xúc với mẹ, các đồ vật, đối tượng và phương tiện thoả mãn nhu cầu cơ bản (những sản phẩm do lao động xã hội sáng tạo ra) đã giúp trẻ hình thành các hành vi xã hội.

Trên nền tảng hành vi xã hội được hình thành ở trẻ, người lớn xung quanh (trước hết là cha, mẹ, người thân trong gia đình, cô giáo mầm non...) tổ chức cho trẻ hành động theo các mẫu hành vi xã hội đương thời.

Về nguồn gốc hành vi, K. Lewin⁽¹²⁾ và Uznatde⁽⁸⁾ cho rằng, những đối tượng ở môi trường xung quanh có liên quan đến nhu cầu của trẻ đều kích thích hành vi trẻ hướng vào đó mà tác động. Những đối tượng đó hầu hết do lao động xã hội sản xuất, sáng tạo ra. Ví dụ: chai sữa, quả bóng, con búp bê, chiếc ô tô đồ chơi... đều là những sản phẩm của nền văn hoá xã hội. Muốn sử dụng chúng, trẻ phải có các thao tác hành vi phù hợp với thiết kế của người sáng tạo ra nó. Tính hợp lý của hành vi bị quy định bởi đối tượng thoả mãn nhu cầu. Như vậy, nguồn gốc hành vi bắt nguồn từ xã hội.

Tóm lại, hành vi của trẻ dù xuất phát từ nguồn gốc nào cũng mang tính chất xã hội. Khi nhấn mạnh ý nghĩa xã hội của hành vi thì đó là *hành vi xã hội*, hành vi này còn có nghĩa là nó được hình thành bởi các quan hệ xã hội, trong môi trường xã hội. Hành vi xã hội không tự bẩm sinh đã có mà nó được hình thành một cách khác với hành vi bản năng. Hành vi xã hội như: trẻ biết cầm thìa, cầm đũa, bung bát cơm ăn theo kiểu hành vi người. Hành vi ngôn ngữ được hình thành trong quan hệ xã hội: mẹ - con, cha - con, anh, chị - em... Như vậy, để ăn theo cách mà con người ăn và biết nói tiếng mẹ đẻ thì tất cả trẻ em, nếu không bệnh tật về cơ thể, sống trong môi trường xã hội, hoạt động tích cực trong các quan hệ xã hội thuận lợi, đều có được các hành vi xã hội đó. Nhưng, để ăn không rơi vãi, không nhồm nhoàm, không húp canh xúp xoạt, không ho vào mâm cơm thì phải dạy trẻ; để không nói tục, chửi bậy, nói trống không... thì phải uốn nắn trẻ nói theo các mẫu hành vi ngôn ngữ xã hội phù hợp, được coi là *chuẩn mực hành vi xã hội*.

Tính chuẩn mực của hành vi xã hội theo nghĩa rộng được coi là hành vi đạo đức. Như vậy, từ hành vi xã hội đến hành vi đạo đức phải có chuẩn mực hành vi do xã hội đương thời *ước lệ, quy định*. Sự ước lệ được thể hiện không thành văn như dư luận xã hội, phong tục, tập quán, các nghi thức, nghi lễ trong ứng xử theo thói quen tốt và nếp sống truyền thống..., thể hiện thành văn như quy chế dân chủ, nội quy quy chế các nhóm xã hội, luật pháp. Theo nghĩa hẹp thì các chuẩn mực hành vi xã hội trong giao tiếp với mọi người được coi là hành vi đạo đức như: sự kính trọng ông bà, cha mẹ, anh chị em, trung thực, thật thà, lễ phép với mọi người.

Đối với người lớn, chuẩn mực hành vi xã hội được quy định bởi quyền hạn, trách nhiệm, bổn phận, nghĩa vụ của mình trong các quan hệ xã hội: Cha mẹ - con cái, giáo viên - học sinh, thầy thuốc - bệnh nhân, người lãnh đạo - người bị lãnh đạo..., ở các vị trí, vai trò xã hội mà người đó đảm nhiệm trong các nhóm xã hội.

2. Nhu cầu - nền tảng của hành vi đạo đức

Hành vi đạo đức, cũng như các hành vi xã hội khác được hình thành từ những *nhu cầu cơ bản của con người*.

Nhu cầu được hiểu là tất cả những đòi hỏi tất yếu hợp quy luật của con người, để cá nhân tồn tại và phát triển trong các giai đoạn phát triển lịch sử - xã hội nhất định.

Nhu cầu cũng có thể hiểu là các trạng thái mất cân bằng về sinh lý, tâm lý và quan hệ xã hội xuất hiện ở cá nhân trong các tình huống, hoàn cảnh cụ thể. Nhu cầu mang tính chất cá nhân, xã hội, lịch sử... vì sự xuất hiện của nhu cầu cá nhân đều bị quy định bởi các yếu tố xã hội, các điều kiện, lịch sử nơi cá nhân sinh ra, lớn lên và hoạt động tích cực ở đó.

Nguồn gốc của hành vi đạo đức ở trẻ, trước hết và đầu tiên, được hình thành từ quá trình thoả mãn các nhu cầu cơ bản. Nhu cầu cơ bản ở trẻ em có nhiều, trước hết và đầu tiên phải là những nhu cầu có nguồn gốc sinh học, tiếp theo là những nhu cầu có nguồn gốc xã hội như: *nhu cầu dinh dưỡng, nhu cầu gắn bó và giao tiếp, nhu cầu nhận thức, nhu cầu xúc cảm biểu cảm, nhu cầu vận động (hành động với đồ vật, giao tiếp với mọi người, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, hoạt động nghề nghiệp, lao động...)*, *nhu cầu an toàn*... Trong quá trình thoả mãn các nhu cầu cơ bản, chúng ta đều nhận thấy những đặc điểm của nhu cầu đều quy định hành vi ứng xử của chúng ta. Theo tâm lý học hoạt động, mà L.X. Vugótxki và A.N. Lêônchiép nêu lên, đó là hoạt động có đối tượng: "Sự phát triển nội dung của đối tượng hoạt động được biểu hiện trong toàn bộ sự phát triển phản ánh tâm lý, khi chúng điều khiển hoạt động trong môi trường đối tượng"⁽⁹⁾.

Vậy đặc điểm đầu tiên của nhu cầu là *đối tượng thoả mãn nhu cầu*. Đối tượng thoả mãn nhu cầu con người đầu tiên chính là *dòng sữa mẹ*. Nhưng để thoả mãn nhu cầu dinh dưỡng, người mẹ bế con vào lòng theo phương thức các thao tác hành vi của xã hội, đó là người đại diện cho nền văn hoá đương thời (thói quen, nếp sống, phong tục, tập quán của xã hội...). Rồi sau đó, lúc dòng sữa mẹ đã cạn (trẻ 3, 4 tháng tuổi) trẻ phải ăn thêm sữa bò, sữa bột... sản phẩm công nghiệp tạo ra - cũng tức là sản phẩm của xã hội. Trẻ được bú sữa trong bình theo cách pha chế do nơi sản xuất quy định. Về sau từ cơm, các loại thức ăn... đều là những sản phẩm lao động do xã hội sản xuất

ra để thoả mãn nhu cầu dinh dưỡng mang tính chất "tự nhiên" của trẻ. Để chiếm lĩnh đối tượng thoả mãn nhu cầu tự nhiên, trẻ sống trong xã hội... phải nhập tâm, bắt chước và bằng quan sát nó học tập trật tự các thao tác hành vi tác động vào đối tượng ở những người xung quanh nhằm thoả mãn nhu cầu cho bản thân để tồn tại và phát triển. Tương tự như vậy, ở tất cả các loại nhu cầu đều có đối tượng vật chất hoặc tinh thần đều làm thoả mãn nhu cầu vật chất, nhu cầu tinh thần cho mỗi cá nhân và cho cả cộng đồng xã hội.

Trật tự thao tác hành vi chiếm lĩnh đối tượng thoả mãn nhu cầu đều có những chuẩn mực hành vi nhất định. Như vậy, chuẩn mực hành vi xã hội trước hết và đầu tiên hình thành ở trẻ, bắt nguồn từ quá trình thoả mãn những nhu cầu cơ bản cho trẻ. Các chuẩn mực hành vi này đều bắt nguồn từ mẹ, từ những người lớn xung quanh gần gũi, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Đặc điểm thứ hai là *phương tiện, công cụ* tác động vào đối tượng thoả mãn nhu cầu. Về đặc điểm này, C. Mác đã nói: "Bản thân nhu cầu đầu tiên được thoả mãn, hành động và công cụ đạt được để thoả mãn nhu cầu ấy lại đưa tới những nhu cầu mới"⁽¹⁾. Các công cụ và phương tiện để thoả mãn nhu cầu của con người không có sẵn trong tự nhiên, mà phần lớn đều do con người lao động sáng tạo sản xuất ra.

Để sử dụng các phương tiện, công cụ thoả mãn nhu cầu, nhất thiết đứa trẻ phải tập luyện để có một hệ thống trật tự các thao tác hành vi một cách hợp lý. Đối với trẻ em, người lớn làm mẫu cho trẻ quan sát, làm theo, bắt chước các chuẩn mẫu hành vi sử dụng các phương tiện công cụ tác động vào đối tượng thoả mãn nhu cầu. Ví dụ, trẻ phải biết xưng hô đúng vị trí: xưng hô là "con" đối với mẹ hoặc là "em" đối với anh chị...

Các công cụ, phương tiện tác động vào đối tượng thoả mãn nhu cầu đều phải thực hiện theo một chuẩn mực hành vi xã hội mà người thiết kế đã ghi vào cấu trúc của chúng. Nhờ quá trình thoả mãn các nhu cầu mà trẻ hoặc tự khám phá tìm tòi, hoặc nhờ có các mẫu hành vi ở những người xung quanh, hoặc có sự hướng dẫn ở những người gần gũi, nên trẻ biết cách sử dụng các phương tiện, công cụ thoả mãn nhu cầu của mình.

Đặc điểm thứ ba của nhu cầu là *sự hợp tác giữa các cá nhân* trong quá trình thoả mãn các nhu cầu cơ bản. Không có một nhu cầu nào của con người mà không trực tiếp hoặc gián tiếp phải hợp tác với những người xung quanh. Đối với trẻ em, sự hợp tác đầu tiên với con người là mẹ. Trong quan hệ mẹ - con, sự hợp tác này làm hình thành ở trẻ bốn phương tiện thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con người, đó là:

+ Phương tiện hợp tác bằng *xúc giác trực tiếp* "da kề da", "môi miệng" mà người mẹ dành cho trẻ. Từ phương tiện gần bó, giao tiếp này mà trẻ lớn lên theo lứa

tuổi, trẻ sử dụng chúng, biểu hiện thái độ gần gũi, ruột thịt, yêu thương, hữu nghị hoặc xa lánh, thờ ơ, thiện cảm hay không thiện cảm... Đến nay, chúng ta còn ít biết đến phương tiện hợp tác này.

+ Phương tiện thứ hai là *điều bộ, cử chỉ, tư thế, ánh mắt, nụ cười, các phản ứng hành vi xúc cảm, biểu cảm*... Đây là các phản ứng hành vi xúc cảm, biểu cảm rồi đến tình cảm của con người. Phương tiện này trẻ cũng nhập tâm, bắt chước học tập bằng quan sát xã hội đầu tiên từ mẹ. Khoảng 2 tháng rưỡi, trẻ bật tiếng cười đầu tiên dành cho mẹ, khi trẻ bú no, đáp ứng những cười đùa của mẹ. Chắc chắn sự cười đùa, mếu khóc, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận... đều có chuẩn mẫu hành vi xã hội do phong tục, tập quán, thói quen, nếp sống, truyền thống của gia đình, cộng đồng xã hội phản ánh vào đó.

+ Phương tiện thứ ba đó là phương tiện hợp tác (giao tiếp) *bằng vật chất*. Khi trẻ không thoả mãn một nhu cầu nào đó, mẹ thay thế bằng đồ chơi, bằng bánh kẹo, hoa quả... Khi đồ vật thay thế đối tượng thoả mãn nhu cầu, chúng trở thành phương tiện hợp tác với những người xung quanh. Trẻ 4 tuổi có thể sử dụng hành vi ngôn ngữ kèm với cái kẹo để hợp tác với bạn trong vui chơi: "Cho tớ chơi với, tớ cho kẹo!" và kèm theo hành vi ngôn ngữ đó, trẻ lấy kẹo cho bạn. Sử dụng vật chất để hợp tác với những người xung quanh như thế nào, trẻ phỏng theo các mẫu sử dụng vật chất hợp tác của người lớn và biến thành hành vi hợp tác "vật chất" của trẻ. Qua đó, hành vi đạo đức của trẻ sẽ hình thành.

+ Phương tiện thứ tư là *phương tiện hợp tác (giao tiếp) bằng ngôn ngữ*. Ngôn ngữ nói được hình thành trong quá trình hợp tác mẹ - con. Đứa trẻ sử dụng ngôn ngữ đầu tiên là tiếng mẹ để để hợp tác trước hết với mẹ, sau đó hợp tác với những người xung quanh để thoả mãn các nhu cầu cơ bản của trẻ. Phương tiện hợp tác này được hình thành từ các yếu tố tự nhiên như cấu tạo của não, hệ thần kinh, các giác quan (sự thành thục cơ thể - Piaget) và hộp âm như khoang miệng, thanh quản, lưỡi, môi, miệng và toàn bộ cơ thể đạt được một trình độ phát triển nhất định. Yếu tố đó quyết định trực tiếp sự hình thành phương tiện hợp tác này. Phương tiện hợp tác (giao tiếp) bằng ngôn ngữ hình thành muộn và phức tạp, bởi lẽ mỗi từ là một thao tác hành động, mỗi câu nói là một hành vi xã hội. Không chỉ âm thanh mà đằng sau âm thanh là trạng thái xúc cảm, ý và nghĩa của âm thanh (đó là tri thức của loài người, vốn sống, kinh nghiệm xã hội loài người phản ánh ở đó). Các trạng thái xúc cảm, ý và nghĩa của ngôn ngữ nói phải tuân theo một chuẩn mực nhất định. Chuẩn không chỉ ở câu, từ mà phải phù hợp với đối tượng hợp tác, phương tiện và điều kiện hợp tác, phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của xã hội đương thời. Hành vi ngôn ngữ đạt các tiêu chuẩn trên, đồng thời chứa đựng những sắc thái thiện cảm, chân thành và sẽ trở thành hành vi đạo đức.

Đặc điểm thứ tư của nhu cầu là những *điều kiện tự nhiên, xã hội* chi phối quá

trình thoả mãn nhu cầu. Đặc điểm này chủ yếu là điều kiện xã hội - đó cũng là tính lịch sử của nhu cầu và quá trình thoả mãn nhu cầu. Điều kiện xã hội chi phối trực tiếp vào quá trình thoả mãn nhu cầu, đó là các quan hệ xã hội, quan hệ sản xuất, quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ văn hoá - giáo dục, đặc biệt là phong tục, tập quán, nếp sống, chế độ sinh hoạt, truyền thống, đạo đức, tôn giáo, luật pháp... chi phối trực tiếp vào quá trình thoả mãn nhu cầu cá nhân. Bất cứ ở đâu, trong các cộng đồng người đều có các phong tục, tập quán, lối sống, truyền thống, tín ngưỡng... chi phối vào quá trình thoả mãn nhu cầu. Các chuẩn mực hành vi có tính nghi thức, nghi lễ... cho đến luật pháp đều có thể gọi là hành vi đạo đức đối với trẻ và đều cần phải được làm mẫu, hướng dẫn, dạy dỗ từ thời ấu thơ gắn với quá trình thoả mãn nhu cầu.

Đặc điểm thứ năm đó là *tính chu kỳ của nhu cầu*. Nhu cầu của con người xuất hiện theo chu kỳ tự nhiên (sáng, trưa, chiều, tối, mùa mưa, mùa khô...), khí hậu, áp suất, nhiệt độ... và các chế độ sinh hoạt, các quan hệ xã hội của các thành viên trong nhóm xã hội (gia đình, cơ quan, trường học...) đều diễn ra theo chu kỳ: ăn có bữa, làm việc, nghỉ ngơi, học tập có thời gian biểu. *Tính chu kỳ của nhu cầu xuất hiện từ đó*. Nó góp phần quan trọng tạo ra sự ổn định của các kiểu hành vi xã hội. Thói quen hành vi phù hợp với các chuẩn mực đạo đức của xã hội đương thời được gọi là *thói quen hành vi đạo đức*. Các quan hệ xã hội của các thành viên trong gia đình, trong xã hội tương đối ổn định cũng góp phần tạo ra các kiểu hành vi xã hội ổn định cho trẻ em, qua đó cách xưng hô, thái độ biểu hiện, hành vi ứng xử trong giao tiếp hàng ngày cũng ổn định. Các kiểu hành vi ổn định trong giao tiếp, ứng xử với mọi người (theo giới tính, lứa tuổi, vị trí, vai trò trong xã hội) phù hợp với các chuẩn mực đạo đức - đối với trẻ em đều có thể gọi là thói quen hành vi đạo đức.

Đặc điểm thứ sáu của nhu cầu đó là *sự phát triển liên tục không ngừng của nhu cầu*. Về đặc điểm này, C. Mác đã nói: "Không có nhu cầu thì không có sản xuất. Nhưng chính tiêu dùng lại tái sản xuất ra nhu cầu"⁽¹⁾. Tư tưởng của A.N. Lêônchiép về vấn đề này cũng được phản ánh trong luận điểm về mối quan hệ giữa "Hoạt động - Nhu cầu - Hoạt động..."⁽¹⁰⁾. Hoạt động làm nảy sinh nhu cầu, để thoả mãn nhu cầu cá nhân phải hoạt động tích cực, và nhu cầu mới được nảy sinh...

Sự phát triển liên tục của nhu cầu theo tính phức tạp của hoạt động, theo sự phong phú của đối tượng thoả mãn nhu cầu... theo đó các chuẩn mực hành vi xã hội cũng được phát triển theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, vị trí xã hội mà con người đảm nhận. Tính lịch sử, tính xã hội của các chuẩn mực hành vi xã hội được coi là hành vi đạo đức ngày càng được nâng cao theo lứa tuổi, nghề nghiệp, vị trí, vai trò xã hội mà con người đảm nhận. Hành vi đạo đức, do đó, càng được phát triển về hình thức, nội dung, mở rộng phạm vi quan hệ để góp phần hình thành và phát triển nhân cách theo yêu cầu, đòi hỏi của xã hội đương thời.

Tóm lại, chính nhu cầu tạo ra các hành vi, các nhu cầu xã hội và các nhu cầu được thoả mãn bằng các phương tiện, công cụ do xã hội lao động sáng tạo ra sẽ hình thành nên các hành vi xã hội. Hành vi xã hội phù hợp với các chuẩn mực hành vi xã hội đương thời đối với trẻ em được coi là hành vi đạo đức. Hành vi đạo đức ở trẻ hình thành, phát triển dưới sự tổ chức, hướng dẫn, dạy dỗ của cha mẹ và người lớn gần gũi xung quanh trẻ. Hành vi đạo đức ở trẻ ngày càng được củng cố qua những động viên, khích lệ, khen, chê, uốn nắn các sai lệch trong quá trình thoả mãn các nhu cầu cơ bản và từ đó tạo ra thói quen hành vi đạo đức. Niềm tin đạo đức, thái độ đạo đức, động cơ đạo đức... ở trẻ dần được hình thành và phát triển. Đó cũng là con đường hình thành, phát triển nhân cách của trẻ.

Chú thích

1. C. Mác, Ph. Ăngghen. *Hệ tư tưởng Đức 1845 - 1946*. Bản sưu tầm mới của Viện Chủ nghĩa Mác - Lênin. Tạp chí Những vấn đề triết học, số 10, 11/1965.
2. C. Mác. *Góp phần phê phán chính trị kinh tế học*. NXB Sự thật, Hà Nội, 1964, tr. 283.
3. Patricia H. Miler. *Các thuyết về tâm lý phát triển*. NXB Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2003, tr. 63.
4. Sdd., tr. 34 - 35.
5. Sdd., tr. 137.
6. Sdd., tr. 160.
7. Sdd., tr. 156.
8. Tâm lý học Liên Xô, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1978, tr. 159.
9. A.N. Lêônchiép. *Hoạt động, ý thức, nhân cách* (bản tiếng Nga). NXB Các tác phẩm chính trị, Mátxcova, 1977, tr. 85.
10. Sdd., tr. 86.
11. Phạm Minh Hạc. *Tâm lý học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995, tr. 67.
12. Nguyễn Ngọc Bích. *Tâm lý học nhân cách*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 159.